

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
1	12000100	Bùi Đăng Thái An	1201	12A4	
2	12000200	Trần Lê Hà An	1201	12A4	
3	12000300	Bùi Phước An	1201	12A7	
4	12000400	Bùi Châu Đại An	1201	12A10	
5	12000500	Đoàn Ngọc An	1201	12A10	
6	12000600	Lê Quốc Anh	1201	12AP1_TA	
7	12000700	Nguyễn Thị Vân Anh	1201	12AP1_TA	
8	12000800	La Gia Trâm Anh	1201	12AP2_TA	
9	12000900	Nguyễn Hoàng Thục Anh	1201	12AP2_TA	
10	12001000	Nguyễn Lan Anh	1201	12A1	
11	12001100	Trần Huỳnh Duy Anh	1201	12A2	
12	12001200	Mạc Quỳnh Anh	1201	12A2	
13	12001300	Phạm Võ Minh Anh	1201	12A2	
14	12001400	Nguyễn Xuân Ngọc Anh	1201	12A2	
15	12001500	Trịnh Mai Trâm Anh	1201	12A3	
16	12001600	Trần Ngọc Minh Anh	1201	12A3	
17	12001700	Trịnh Ngọc Trâm Anh	1201	12A3	
18	12001800	Lê Quỳnh Anh	1201	12A3	
19	12001900	Nguyễn Huỳnh Lan Anh	1201	12A4	
20	12002000	Chu Nguyễn Việt Anh	1201	12A4	
21	12002100	Nguyễn Duy Anh	1201	12A6	
22	12002200	Nguyễn Huỳnh Trúc Anh	1201	12A6	
23	12002300	Vũ Lê Nhật Anh	1201	12A6	
24	12002400	Trần Mai Anh	1201	12A6	
1	12002500	Phạm Minh Anh	1202	12A6	
2	12002600	Trần Duy Anh	1202	12A7	
3	12002700	Phạm Hồng Anh	1202	12A7	
4	12002800	Nguyễn Ngọc Loan Anh	1202	12A7	
5	12002900	Nguyễn Thị Phương Anh	1202	12A7	
6	12003000	Đỗ Việt Anh	1202	12A7	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
7	12003100	Nguyễn Hoàng Anh	1202	12A8	
8	12003200	Nguyễn Minh Anh	1202	12A8	
9	12003300	Lê Mai Anh	1202	12A9	
10	12003400	Phạm Minh Anh	1202	12A9	
11	12003500	Nguyễn Thị Trang Anh	1202	12A9	
12	12003600	Nguyễn Công Đức Anh	1202	12A10	
13	12003700	Nguyễn Công Huỳnh Anh	1202	12A10	
14	12003800	Đặng Dương Quỳnh Anh	1202	12A10	
15	12003900	Nguyễn Đức Anh	1202	12A10	
16	12004000	Nguyễn Minh Anh	1202	12A10	
17	12004100	Trần Ngọc Anh	1202	12A11	
18	12004200	Nguyễn Phương Anh	1202	12A11	
19	12004300	Nguyễn Thái Anh	1202	12A11	
20	12004400	Huỳnh Trần Song Anh	1202	12A11	
21	12004500	Trương Xuân Bách	1202	12A10	
22	12004600	Nguyễn Khánh Băng	1202	12A10	
23	12004700	Huỳnh Nguyễn Khánh Băng	1202	12A11	
24	12004800	Nguyễn Trần Phúc Bảo	1202	12AP2_TA	
1	12004900	Nguyễn Hoàng Ngọc Bảo	1203	12A5	
2	12005000	Trần Vũ Ngọc Bảo	1203	12A6	
3	12005100	Phạm Gia Bảo	1203	12A7	
4	12005200	Lê Huỳnh Gia Bảo	1203	12A8	
5	12005300	Tăng Thiên Bảo	1203	12A8	
6	12005400	Lương Ngọc Bảo	1203	12A10	
7	12005500	Trình Thanh Bình	1203	12A11	
8	12005600	Nguyễn Phan Chấn	1203	12A8	
9	12005700	Bùi Long Châu	1203	12AP2_TA	
10	12005800	Trần Long Châu	1203	12A6	
11	12005900	Đỗ Lê Quỳnh Chi	1203	12A11	
12	12006000	Nguyễn Thị Thủy Chung	1203	12A5	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
13	12006100	Nguyễn Kiên Cường	1203	12A5	
14	12006200	Đoàn Đức Cường	1203	12A8	
15	12006300	Lê Đức Cường	1203	12A9	
16	12006400	Trần Nguyễn Minh Đan	1203	12AP2_TA	
17	12006500	Dương Nhật Đăng	1203	12A7	
18	12006600	Nguyễn Công Danh	1203	12A3	
19	12006700	Nguyễn Thị Trúc Đào	1203	12A2	
20	12006800	Lâm Thành Đạt	1203	12AP1_TA	
21	12006900	Phạm Minh Đạt	1203	12A2	
22	12007000	Nguyễn Quốc Đạt	1203	12A4	
23	12007100	Trần Tấn Đạt	1203	12A5	
24	12007200	Đặng Thành Đạt	1203	12A8	
1	12007300	Nguyễn Phúc Đạt	1204	12A9	
2	12007400	Nguyễn Tuấn Đạt	1204	12A9	
3	12007500	Đàm Tá Đạt	1204	12A10	
4	12007600	Nguyễn Văn Minh Diện	1204	12A5	
5	12007700	Nguyễn Phước Điền	1204	12AP1_TA	
6	12007800	Lê Ngọc Diệp	1204	12A3	
7	12007900	Nguyễn Thịnh Đức	1204	12A5	
8	12008000	Phạm Tiến Đức	1204	12A5	
9	12008100	Lê Thái Anh Đức	1204	12A6	
10	12008200	Phan Bá Đức	1204	12A7	
11	12008300	Hoàng Anh Dũng	1204	12A2	
12	12008400	Tạ Anh Dũng	1204	12A4	
13	12008500	Nguyễn Tiến Dũng	1204	12A9	
14	12008600	Bùi Lê Ánh Dương	1204	12A1	
15	12008700	Trần Thái Dương	1204	12A1	
16	12008800	Nguyễn Thùy Dương	1204	12A2	
17	12008900	Nguyễn Lê Duy	1204	12A5	
18	12009000	Thạch Hữu Duy	1204	12A10	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
19	12009100	Trương Ngọc Phương Duyên	1204	12AP1_TA	
20	12009200	Phạm Đoàn Tố Duyên	1204	12A4	
21	12009300	Trần Nguyễn Kỳ Duyên	1204	12A5	
22	12009400	Mai Nguyễn Trà Giang	1204	12AP2_TA	
23	12009500	Trần Quỳnh Giang	1204	12A1	
24	12009600	Lê Quỳnh Giang	1204	12A2	
1	12009700	Lê Hà Giang	1205	12A10	
2	12009800	Nguyễn Thúy Hà	1205	12AP1_TA	
3	12009900	Nguyễn Hoàng Thu Hà	1205	12A8	
4	12010000	Trần Ngọc Thái Hà	1205	12A8	
5	12010100	Tổng Hoàng Hải	1205	12A11	
6	12010200	Tổng Nguyễn Gia Hân	1205	12AP1_TA	
7	12010300	Trần Gia Hân	1205	12A1	
8	12010400	Phan Hân Hân	1205	12A1	
9	12010500	Nguyễn Ngọc Gia Hân	1205	12A1	
10	12010600	Phạm Thị Ngọc Hân	1205	12A1	
11	12010700	Nguyễn Xuân Gia Hân	1205	12A1	
12	12010800	Trần Huỳnh Ngọc Hân	1205	12A4	
13	12010900	Nguyễn Ngọc Hân	1205	12A4	
14	12011000	Trần Phạm Gia Hân	1205	12A6	
15	12011100	Hà Huỳnh Nhã Hân	1205	12A9	
16	12011200	Lê Kim Hằng	1205	12A2	
17	12011300	Phan Thị Mỹ Hạnh	1205	12A5	
18	12011400	Đỗ Khắc Hào	1205	12A8	
19	12011500	Lê Thị Phúc Hậu	1205	12A4	
20	12011600	Nguyễn Thu Hiền	1205	12AP1_TA	
21	12011700	Vũ Thu Hiền	1205	12A10	
22	12011800	Nguyễn Thị Minh Hiền	1205	12A11	
23	12011900	Lê Minh Hiễn	1205	12A5	
24	12012000	Trần Lê Ngọc Hiếu	1205	12A1	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
1	12012100	Nguyễn Ngọc Hiếu	1206	12A3	
2	12012200	Văn Đình Hiếu	1206	12A5	
3	12012300	Lê Văn Hiếu	1206	12A5	
4	12012400	Trần Trung Hiếu	1206	12A9	
5	12012500	Hoàng Văn Hiếu	1206	12A11	
6	12012600	Phạm Phi Hồ	1206	12A6	
7	12012700	Nguyễn Minh Hòa	1206	12AP1_TA	
8	12012800	Trương Gia Hoan	1206	12AP2_TA	
9	12012900	Vũ Đức Hoàng	1206	12A5	
10	12013000	Kiều Tiến Hoàng	1206	12A9	
11	12013100	Nguyễn Huy Hoàng	1206	12A11	
12	12013200	Nguyễn Minh Hùng	1206	12A2	
13	12013300	Nguyễn Mạnh Hùng	1206	12A8	
14	12013400	Đoàn Mạnh Hùng	1206	12A10	
15	12013500	Vũ Gia Hưng	1206	12A5	
16	12013600	Lâm Phúc Hưng	1206	12A7	
17	12013700	Lư Khánh Hưng	1206	12A8	
18	12013800	Nguyễn Quốc Hưng	1206	12A8	
19	12013900	Võ Trung Hưng	1206	12A10	
20	12014000	Nguyễn Khánh Hưng	1206	12A11	
21	12014100	Trần Thế Hưng	1206	12A11	
22	12014200	Nguyễn Ngọc Lan Hương	1206	12AP2_TA	
23	12014300	Đoàn Hồng Quỳnh Hương	1206	12A8	
24	12014400	Nguyễn Quốc Huy	1206	12AP2_TA	
1	12014500	Lưu Công Huy	1207	12A3	
2	12014600	Nguyễn Minh Huy	1207	12A3	
3	12014700	Phan Hoàng Huy	1207	12A5	
4	12014800	Nguyễn Nhật Huy	1207	12A5	
5	12014900	Lê Nhật Huy	1207	12A8	
6	12015000	Nguyễn Nhật Huy	1207	12A8	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
7	12015100	Nguyễn Đức Huy	1207	12A10	
8	12015200	Hoàng Nguyễn Nhật Huy	1207	12A11	
9	12015300	Nguyễn Thị Diệu Huyền	1207	12A1	
10	12015400	Lê Chí Kha	1207	12A9	
11	12015500	Phan Trang Gia Khang	1207	12A1	
12	12015600	Hứa Vỹ Khang	1207	12A8	
13	12015700	Nguyễn Phúc Khang	1207	12A10	
14	12015800	Huỳnh An Khang	1207	12A11	
15	12015900	Trịnh Hữu Minh Khang	1207	12A11	
16	12016000	Nguyễn Huỳnh Mai Khanh	1207	12AP1_TA	
17	12016100	Đỗ Quốc Khánh	1207	12A10	
18	12016200	Nguyễn Bửu Khoa	1207	12AP1_TA	
19	12016300	Trần Đăng Khoa	1207	12A4	
20	12016400	Nguyễn Trịnh Đình Khoa	1207	12A4	
21	12016500	Lê Hải Đăng Khoa	1207	12A8	
22	12016600	Đỗ Thái Y Khoa	1207	12A9	
23	12016700	Trần Minh Khôi	1207	12A4	
24	12016800	Nguyễn Đức Nguyên Khôi	1207	12A9	
1	12016900	Dương Quý Mai Khuê	1208	12A6	
2	12017000	Lâm Duy Khương	1208	12A10	
3	12017100	Nguyễn Phan Trung Kiên	1208	12A11	
4	12017200	Cao Trung Kiên	1208	12A11	
5	12017300	Vũ Trung Kiên	1208	12A11	
6	12017400	Văn Thế Kiệt	1208	12A9	
7	12017500	Nguyễn Thị Mộng Kiều	1208	12A4	
8	12017600	Phạm Nguyễn Trúc Lam	1208	12A3	
9	12017700	Nguyễn Hồng Lam	1208	12A5	
10	12017800	Lê Trúc Lam	1208	12A8	
11	12017900	Huỳnh Gia Lập	1208	12A1	
12	12018000	Nguyễn Thanh Liêm	1208	12AP1_TA	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
13	12018100	Nguyễn Khánh Linh	1208	12AP1_TA	
14	12018200	Trần Gia Linh	1208	12A4	
15	12018300	Nguyễn Khánh Linh	1208	12A4	
16	12018400	Nguyễn Phương Linh	1208	12A4	
17	12018500	Tường Thị Thùy Linh	1208	12A5	
18	12018600	Nguyễn Trần Diệu Linh	1208	12A5	
19	12018700	Trần Thùy Linh	1208	12A6	
20	12018800	Nguyễn Khánh Linh	1208	12A7	
21	12018900	Nguyễn Phương Linh	1208	12A9	
22	12019000	Nguyễn Thị Hồng Loan	1208	12A9	
23	12019100	Lê Đình Tấn Lộc	1208	12A6	
24	12019200	Bùi Hoàng Lộc	1208	12A7	
1	12019300	Nguyễn Hữu Lộc	1209	12A7	
2	12019400	Đỗ Xuân Lộc	1209	12A9	
3	12019500	Mai Tấn Lộc	1209	12A10	
4	12019600	Huỳnh Tấn Lộc	1209	12A11	
5	12019700	Dương Đại Lợi	1209	12A9	
6	12019800	Nguyễn Văn Long	1209	12AP1_TA	
7	12019900	Phạm Ngọc Bửu Long	1209	12A2	
8	12020000	Nguyễn Hoàng Long	1209	12A5	
9	12020100	Trần Thành Long	1209	12A9	
10	12020200	Nguyễn Hoàng Long	1209	12A10	
11	12020300	Nguyễn Minh Long	1209	12A10	
12	12020400	Nguyễn Trần Bảo Long	1209	12A10	
13	12020500	Lê Hoàng Nguyên Long	1209	12A11	
14	12020600	Bùi Đình Hương Ly	1209	12AP1_TA	
15	12020700	Đào Thị Trúc Ly	1209	12A6	
16	12020800	Đàm Thanh Mai	1209	12A2	
17	12020900	Phạm Văn Mai	1209	12A4	
18	12021000	Phan Thị Thanh Mai	1209	12A6	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
19	12021100	Phạm Sao Mai	1209	12A11	
20	12021200	Nguyễn Thị Triệu Minh	1209	12A1	
21	12021300	Vũ Lê Minh	1209	12A2	
22	12021400	Nguyễn Thị Ngọc Minh	1209	12A3	
23	12021500	Chiêm Nguyễn Quốc Minh	1209	12A5	
24	12021600	Nguyễn Ngọc Phương Minh	1209	12A6	
1	12021700	Trần Gia Minh	1210	12A7	
2	12021800	Nguyễn Vũ Minh	1210	12A7	
3	12021900	Hồ Nguyễn Ngọc Minh	1210	12A8	
4	12022000	Nguyễn Cát Tuệ Minh	1210	12A9	
5	12022100	Trần Thế Minh	1210	12A10	
6	12022200	Huỳnh Ngọc Kiều My	1210	12AP1_TA	
7	12022300	Nguyễn Ngọc Hoàng My	1210	12A1	
8	12022400	Vũ Ngọc Hà My	1210	12A2	
9	12022500	Lê Nguyễn Trà My	1210	12A5	
10	12022600	Nguyễn Hồ Hoài Nam	1210	12A2	
11	12022700	Nguyễn Phan Nhật Nam	1210	12A4	
12	12022800	Phạm Nguyễn Bảo Nam	1210	12A7	
13	12022900	Lê Quốc Nam	1210	12A7	
14	12023000	Hoàng Đình Nam	1210	12A11	
15	12023100	Thiều Tiến Nam	1210	12A11	
16	12023200	Huỳnh Ngọc Nga	1210	12AP2_TA	
17	12023300	Lê Hoàng Kim Ngân	1210	12A1	
18	12023400	Nguyễn Hồng Bảo Ngân	1210	12A3	
19	12023500	Võ Khánh Ngân	1210	12A4	
20	12023600	Cao Ngọc Kim Ngân	1210	12A4	
21	12023700	Đình Đông Ngân	1210	12A7	
22	12023800	Hồng Thái Kim Ngân	1210	12A8	
23	12023900	Nguyễn Thị Thu Ngân	1210	12A8	
24	12024000	Lê Hoàng Ngân	1210	12A9	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
1	12024100	Bùi Khánh Ngân	1211	12A11	
2	12024200	Trần Gia Nghi	1211	12A1	
3	12024300	Lê Hoàng Khánh Nghi	1211	12A3	
4	12024400	Hồ Phương Nghi	1211	12A6	
5	12024500	Võ Thị Mỹ Nghi	1211	12A3	
6	12024600	Nguyễn Thị Thiên Ngọc	1211	12AP2_TA	
7	12024700	Lê Dương Như Ngọc	1211	12A2	
8	12024800	Huỳnh Thụy Như Ngọc	1211	12A3	
9	12024900	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	1211	12A4	
10	12025000	Huỳnh Hoàng Như Ngọc	1211	12A6	
11	12025100	Nguyễn Hồng Ngọc	1211	12A6	
12	12025200	Tăng Phan Bảo Ngọc	1211	12A6	
13	12025300	Nguyễn Phương Bảo Ngọc	1211	12A7	
14	12025400	Trịnh Thanh Ngọc	1211	12A8	
15	12025500	Trần Hoàng Khánh Ngọc	1211	12A9	
16	12025600	Vũ Lê Bảo Ngọc	1211	12A9	
17	12025700	Nguyễn Phan Kim Ngọc	1211	12A11	
18	12025800	Đỗ Thu Nguyên	1211	12AP1_TA	
19	12025900	Trần Tam Nguyên	1211	12A4	
20	12026000	Nguyễn Ngọc Trúc Nguyên	1211	12A6	
21	12026100	Nguyễn Ngọc Xuân Nguyên	1211	12A6	
22	12026200	Hồ Khải Nguyên	1211	12A7	
23	12026300	Cao Thanh Nguyên	1211	12A7	
24	12026400	Trần Nguyễn Tấn Nguyên	1211	12A10	
1	12026500	Thi Nhân Bích Nguyên	1212	12A10	
2	12026600	Huỳnh Trần Song Nguyên	1212	12A11	
3	12026700	Phạm Trí Nguyên	1212	12A9	
4	12026800	Lê Hữu Thiện Nhân	1212	12A1	
5	12026900	Nguyễn Đức Nhân	1212	12A4	
6	12027000	Trần Thiện Nhân	1212	12A4	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
7	12027100	Trương Thành Nhân	1212	12A5	
8	12027200	Trần Thiện Nhân	1212	12A6	
9	12027300	Trần Thành Nhân	1212	12A9	
10	12027400	Nguyễn Minh Nhật	1212	12AP2_TA	
11	12027500	Nguyễn Minh Nhật	1212	12A4	
12	12027600	Nguyễn Thị Yến Nhi	1212	12AP2_TA	
13	12027700	Nguyễn Đoàn Yến Nhi	1212	12A3	
14	12027800	Võ Ngọc Ái Nhi	1212	12A7	
15	12027900	Lý Yến Nhi	1212	12A7	
16	12028000	Trần Lê Kim Như	1212	12AP1_TA	
17	12028100	Đặng Nguyễn Khánh Như	1212	12A2	
18	12028200	Trần Huệ Tâm Như	1212	12A3	
19	12028300	Trần Quỳnh Như	1212	12A4	
20	12028400	Đặng Ngọc Vân Như	1212	12A5	
21	12028500	Nguyễn Bùi Khánh Như	1212	12A6	
22	12028600	Trần Phan Huỳnh Như	1212	12A6	
23	12028700	Lê Bùi Quỳnh Như	1212	12A8	
24	12028800	Tăng Quỳnh Như	1212	12A8	
1	12028900	Lê Quỳnh Như	1213	12A9	
2	12029000	Nguyễn Ngọc Bảo Như	1213	12A10	
3	12029100	Nguyễn Thị Khánh Như	1213	12A10	
4	12029200	Hồ Lâm Tuyết Nhung	1213	12A11	
5	12029300	Trần Tấn Phát	1213	12A1	
6	12029400	Nguyễn Tấn Phát	1213	12A3	
7	12029500	Nguyễn Tiến Phát	1213	12A5	
8	12029600	Nguyễn Huy Phát	1213	12A8	
9	12029700	Nguyễn Hoàng Phát	1213	12A9	
10	12029800	Võ Lâm Gia Phát	1213	12A9	
11	12029900	Lý Thuận Phát	1213	12A9	
12	12030000	Lưu Hoàng Gia Phát	1213	12A11	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
13	12030100	Nguyễn Thị Yến Phi	1213	12A2	
14	12030200	Trương Tấn Phong	1213	12A3	
15	12030300	Diệp Cao Phong	1213	12A5	
16	12030400	Nguyễn Đức Phú	1213	12A1	
17	12030500	Lê Nguyễn Kim Phú	1213	12A1	
18	12030600	Trần Thiên Phúc	1213	12AP1_TA	
19	12030700	Phạm Ngọc Phúc	1213	12A1	
20	12030800	Nguyễn Hoàng Gia Phúc	1213	12A3	
21	12030900	Trần Hoàng Phúc	1213	12A4	
22	12031000	Lê Nguyên Phúc	1213	12A6	
23	12031100	Hà Đặng Diễm Phúc	1213	12A8	
24	12031200	Phạm Hoàng Phúc	1213	12A8	
1	12031300	Lê Quang Phúc	1214	12A9	
2	12031400	Nguyễn Lam Phương	1214	12A2	
3	12031500	Nguyễn Kiều Trúc Phương	1214	12A3	
4	12031600	Phạm Mai Phương	1214	12A5	
5	12031700	Lê Ngọc Diễm Phương	1214	12A6	
6	12031800	Nguyễn An Phương	1214	12A7	
7	12031900	Trần Nam Phương	1214	12A7	
8	12032000	Huỳnh Thái Phương	1214	12A7	
9	12032100	Nguyễn Tuyết Phương	1214	12A7	
10	12032200	Trần Thị Yến Phương	1214	12A8	
11	12032300	Nguyễn Minh Phương	1214	12A11	
12	12032400	Trịnh Kim Phương	1214	12A4	
13	12032500	Trương Đông Quân	1214	12AP1_TA	
14	12032600	Nguyễn Anh Quân	1214	12A4	
15	12032700	Phạm Trọng Quân	1214	12A4	
16	12032800	Nguyễn Minh Quân	1214	12A5	
17	12032900	Nguyễn Quân	1214	12A10	
18	12033000	Nguyễn Duy Việt Quang	1214	12A4	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
19	12033100	Nguyễn Đại Quang	1214	12A5	
20	12033200	Ngô Đào Minh Quang	1214	12A9	
21	12033300	Bùi Nguyễn Minh Quang	1214	12A11	
22	12033400	Đặng Trung Quốc	1214	12A3	
23	12033500	Trần Nguyễn Tiến Quốc	1214	12A6	
24	12033600	Nguyễn Cường Quốc	1214	12A7	
1	12033700	Mai Ngọc Quyên	1215	12AP2_TA	
2	12033800	Đỗ Ngọc Hoàng Quyên	1215	12A2	
3	12033900	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	1215	12A10	
4	12034000	Phan Bảo Quỳnh	1215	12AP1_TA	
5	12034100	Nguyễn Trúc Quỳnh	1215	12AP1_TA	
6	12034200	Trần Thị Diễm Quỳnh	1215	12A2	
7	12034300	Trần Thúy Quỳnh	1215	12A5	
8	12034400	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	1215	12A6	
9	12034500	Nguyễn Võ Như Quỳnh	1215	12A6	
10	12034600	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	1215	12A9	
11	12034700	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	1215	12A11	
12	12034800	Phạm Lê Phước Sang	1215	12A5	
13	12034900	Trần Phú Sang	1215	12A5	
14	12035000	Vũ Ngọc Sang	1215	12A9	
15	12035100	Trần Tuấn Sang	1215	12A11	
16	12035200	Lưu Kim Sơn	1215	12AP1_TA	
17	12035300	Lê Ngọc Bích Sơn	1215	12A1	
18	12035400	Phạm Thái Sơn	1215	12A8	
19	12035500	Võ Thành Tài	1215	12A5	
20	12035600	Nguyễn Tấn Tài	1215	12A8	
21	12035700	Lưu Chí Tâm	1215	12A2	
22	12035800	Dương Lê Bảo Tâm	1215	12A2	
23	12035900	Trần Ngọc Khiết Tâm	1215	12A3	
24	12036000	Lâm Thanh Tâm	1215	12A3	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
1	12036100	Thái Minh Tâm	1216	12A8	
2	12036200	Lê Thị Mỹ Tâm	1216	12A8	
3	12036300	Trần Hữu Tân	1216	12A1	
4	12036400	Trần Nguyễn Nhật Tân	1216	12A2	
5	12036500	Lê Nhật Tân	1216	12A4	
6	12036600	Trần Nhật Tân	1216	12A9	
7	12036700	Nguyễn Nhật Tảo	1216	12A2	
8	12036800	Nguyễn Tùng Ngọc Thạch	1216	12A9	
9	12036900	Phạm Minh Xuân Thái	1216	12A7	
10	12037000	Trần Hoàng Thái	1216	12A9	
11	12037100	Lê Quốc Thái	1216	12A11	
12	12037200	Ngô Hoàng Thắng	1216	12AP1_TA	
13	12037300	Kiều Quốc Thắng	1216	12AP1_TA	
14	12037400	Trà Nguyễn Toàn Thắng	1216	12AP2_TA	
15	12037500	Cao Quốc Thắng	1216	12A7	
16	12037600	Lê Chí Thắng	1216	12A10	
17	12037700	Nguyễn Ngọc Hoài Thanh	1216	12AP1_TA	
18	12037800	Nguyễn Vân Thanh	1216	12A7	
19	12037900	Nguyễn Chí Thanh	1216	12A10	
20	12038000	Nguyễn Gia Thành	1216	12A3	
21	12038100	Phạm Ngọc Thành	1216	12A3	
22	12038200	Nguyễn Văn Thành	1216	12A3	
23	12038300	Cao Công Thành	1216	12A10	
24	12038400	Huỳnh Phương Thảo	1216	12A1	
1	12038500	Nguyễn Mai Thảo	1217	12A3	
2	12038600	Ngô Lê Thiên Thảo	1217	12A4	
3	12038700	Bùi Phương Thảo	1217	12A4	
4	12038800	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	1217	12A5	
5	12038900	Nguyễn Phương Thảo	1217	12A5	
6	12039000	Nguyễn Phương Thảo	1217	12A6	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
7	12039100	Văn Ngọc Thảo	1217	12A7	
8	12039200	Huỳnh Thị Thanh Thảo	1217	12A7	
9	12039300	Nguyễn Bách Thảo	1217	12A8	
10	12039400	Lê Đức Thiện	1217	12A5	
11	12039500	Nguyễn Trường Thịnh	1217	12A7	
12	12039600	Nguyễn Kim Thơ	1217	12A2	
13	12039700	Đinh Thị Anh Thơ	1217	12A3	
14	12039800	Phạm Nguyễn Anh Thơ	1217	12A4	
15	12039900	Nguyễn Anh Thơ	1217	12A6	
16	12040000	Lương Hồ Anh Thơ	1217	12A6	
17	12040100	Nguyễn Ngọc Minh Thơ	1217	12A7	
18	12040200	Lê Nguyễn Thanh Thơ	1217	12A7	
19	12040300	Vương Anh Thơ	1217	12A8	
20	12040400	Nguyễn Minh Thơ	1217	12A8	
21	12040500	Trương Nguyễn Anh Thơ	1217	12A8	
22	12040600	Lê Thị Cần Thơ	1217	12A9	
23	12040700	Nguyễn Anh Thơ	1217	12A10	
24	12040800	Đoàn Thu	1217	12A2	
1	12040900	Đặng Phương Thư	1218	12A1	
2	12041000	Trần Lê Anh Thư	1218	12A2	
3	12041100	Trương Trúc Thư	1218	12A3	
4	12041200	Dương Bảo Thư	1218	12A4	
5	12041300	Nguyễn Thị Anh Thư	1218	12A5	
6	12041400	Phan Thị Minh Thư	1218	12A6	
7	12041500	Ngô Nguyễn Song Thư	1218	12A8	
8	12041600	Nguyễn Hoàng Minh Thư	1218	12A9	
9	12041700	Nguyễn Anh Thư	1218	12A11	
10	12041800	Chim Hoàng Thanh Thùy	1218	12A1	
11	12041900	Trần Nguyễn Kim Thùy	1218	12A1	
12	12042000	Nguyễn Vũ Xuân Thùy	1218	12A2	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
13	12042100	Doãn Phương Thùy	1218	12A4	
14	12042200	Nguyễn Thị Phương Thùy	1218	12A11	
15	12042300	Nguyễn Thị Kim Thy	1218	12A3	
16	12042400	Nhan Minh Thy	1218	12A4	
17	12042500	Ngô Trúc Thy	1218	12A6	
18	12042600	Huỳnh Khuru Kiều Tiên	1218	12AP1_TA	
19	12042700	Hồ Nguyễn Hoàng Cát Tiên	1218	12A3	
20	12042800	Nguyễn Thị Kiều Tiên	1218	12A3	
21	12042900	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	1218	12A4	
22	12043000	Lê Tấn Tiến	1218	12A7	
23	12043100	Nguyễn Trung Tiến	1218	12A7	
24	12043200	Đặng Đức Tiến	1218	12A8	
1	12043300	Nguyễn Minh Tiến	1219	12A8	
2	12043400	Huỳnh Việt Tiến	1219	12A9	
3	12043500	Phan Đức Tiến	1219	12A10	
4	12043600	Đặng Lê Chí Tiến	1219	12A10	
5	12043700	Phan Quốc Tiến	1219	12A10	
6	12043800	Nguyễn Ngô Nhật Tiến	1219	12A11	
7	12043900	Võ Nguyễn Đức Tín	1219	12A7	
8	12044000	Trần Nguyễn Trung Tín	1219	12A7	
9	12044100	Trần Quốc Toàn	1219	12A11	
10	12044200	Nguyễn Đào Minh Trâm	1219	12A1	
11	12044300	Nguyễn Ngọc Trâm	1219	12A1	
12	12044400	Huỳnh Đặng Thùy Trâm	1219	12A9	
13	12044500	Hoàng Huyền Trâm	1219	12A11	
14	12044600	Lư Huyền Trân	1219	12AP1_TA	
15	12044700	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	1219	12AP1_TA	
16	12044800	Nguyễn Ngọc Trân	1219	12AP2_TA	
17	12044900	Đặng Thị Huyền Trân	1219	12AP2_TA	
18	12045000	Hứa Huỳnh Phương Trân	1219	12A1	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
19	12045100	Khuru Tuyền Trân	1219	12A1	
20	12045200	Nguyễn Bảo Trân	1219	12A2	
21	12045300	Cao Huỳnh Bảo Trân	1219	12A2	
22	12045400	Nguyễn Vũ Quỳnh Trân	1219	12A2	
23	12045500	Phan Bảo Trân	1219	12A3	
24	12045600	Nguyễn Bảo Trân	1219	12A5	
1	12045700	Nguyễn Lê Tuyết Trân	1220	12A5	
2	12045800	Trần Thị Bảo Trân	1220	12A6	
3	12045900	Đỗ Hải Trân	1220	12A7	
4	12046000	Trần Yên Trang	1220	12A1	
5	12046100	Vũ Ngọc Phương Trang	1220	12A6	
6	12046200	Đào Thùy Trang	1220	12A7	
7	12046300	Nguyễn Lâm Uyên Tri	1220	12A11	
8	12046400	Võ Minh Trí	1220	12A3	
9	12046500	Trương Minh Triết	1220	12A6	
10	12046600	Phạm Nhật Triều	1220	12A6	
11	12046700	Kiều Diễm Trinh	1220	12AP1_TA	
12	12046800	Phạm Đức Trọng	1220	12A7	
13	12046900	Ngô Hữu Trung	1220	12A10	
14	12047000	Nguyễn Tuấn Trường	1220	12AP1_TA	
15	12047100	Đỗ Anh Tuấn	1220	12A11	
16	12047200	Hoàng Minh Tuệ	1220	12AP1_TA	
17	12047300	Nguyễn Đặng Gia Tuệ	1220	12A1	
18	12047400	Trần Xuân Tươi	1220	12A1	
19	12047500	Nguyễn Hoàng Khánh Tường	1220	12A5	
20	12047600	Hồ Thanh Tuyền	1220	12A2	
21	12047700	Nguyễn Ngọc Tuyền	1220	12A3	
22	12047800	Võ Trần Ánh Tuyết	1220	12A3	
23	12047900	Phùng Hoàng Tỷ	1220	12A5	
24	12048000	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	1220	12A4	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
1	12048100	Võ Thị Mỹ Uyên	1221	12A10	
2	12048200	Nguyễn Dương Kiều Vân	1221	12AP1_TA	
3	12048300	Nguyễn Thị Tú Vân	1221	12A1	
4	12048400	Võ Thị Ái Vân	1221	12A6	
5	12048500	Lê Hoàng Gia Văn	1221	12A8	
6	12048600	Phạm Tô Văn	1221	12A8	
7	12048700	Phạm Nguyễn Tường Vi	1221	12A4	
8	12048800	Lê Nguyễn Tường Vi	1221	12A7	
9	12048900	Đặng Dương Triều Vĩ	1221	12A10	
10	12049000	Nguyễn Quang Vinh	1221	12A2	
11	12049100	Trương Thảo Vy	1221	12AP2_TA	
12	12049200	Thái Tuyết Vy	1221	12AP2_TA	
13	12049300	Nguyễn Tường Vy	1221	12AP2_TA	
14	12049400	Bùi Ngô Tường Vy	1221	12A1	
15	12049500	Thạch Thái Vy	1221	12A2	
16	12049600	Chu Tường Vy	1221	12A2	
17	12049700	Phạm Thị Phương Vy	1221	12A3	
18	12049800	Lê Thị Tường Vy	1221	12A3	
19	12049900	Nguyễn Thúy Khả Vy	1221	12A3	
20	12050000	Bùi Tường Vy	1221	12A3	
21	12050100	Phan Huyền Vy	1221	12A4	
22	12050200	Hồ Thảo Vy	1221	12A8	
23	12050300	Nguyễn Thiên La Vy	1221	12A8	
24	12050400	Ngô Tường Vy	1221	12A9	
1	12050500	Huỳnh Nguyễn Trúc Vy	1222	12A10	
2	12050600	Lê Hà Tuệ Vy	1222	12A11	
3	12050700	Bùi Thùy Khánh Vy	1222	12A11	
4	12050800	Trần Thị Thanh Xuân	1222	12A8	
5	12050900	Nguyễn Trần Như Ý	1222	12A1	
6	12051000	Nguyễn Thị Như Ý	1222	12A3	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
7	12051100	Huỳnh Trương Như Ý	1222	12A6	
8	12051200	Lê Nguyễn Như Ý	1222	12A9	
9	12051300	Nguyễn Thị Hải Yến	1222	12AP1_TA	
10	12051400	Nguyễn Phương Yến	1222	12A2	
11	12051500	Lý Hoài Yến	1222	12A6	
12	12051600	Mã Lê Phi Yến	1222	12A7	
13	12051700	Võ Ngọc Yến	1222	12A8	
1	12051800	Nguyễn Hoàng Anh	1223	12AP1_TP	
2	12051900	Đặng Phạm Thành Đạt	1223	12AP2_TP	
3	12052000	Phan Minh Đức	1223	12AP2_TP	
4	12052100	Nguyễn Khánh Hà	1223	12AP2_TP	
5	12052200	Phạm Gia Hân	1223	12AP2_TP	
6	12052300	Huỳnh Nguyễn Khải Hoàn	1223	12AP1_TP	
7	12052400	Oh Eun Hui	1223	12AP1_TP	
8	12052500	Lê Quốc Hùng	1223	12AP2_TP	
9	12052600	Võ Thành Hưng	1223	12AP1_TP	
10	12052700	Huỳnh Nguyễn Gia Khôi	1223	12AP2_TP	
11	12052800	Lý Hồ Tuấn Kiệt	1223	12AP1_TP	
12	12052900	Nguyễn Duy Mạnh	1223	12AP2_TP	
13	12053000	Huỳnh Nguyễn Phương Minh	1223	12AP1_TP	
14	12053100	Trương Quốc Minh	1223	12AP2_TP	
15	12053200	Nguyễn Thị Kim Ngân	1223	12AP2_TP	
1	12053300	Trần Nguyễn Hoàng Nguyên	1224	12AP2_TP	
2	12053400	Trần Hữu Phát	1224	12AP2_TP	
3	12053500	Hoàng Tấn Phát	1224	12AP2_TP	
4	12053600	Mã Nguyễn Thanh Phước	1224	12AP2_TP	
5	12053700	Đặng Ngọc Như Quỳnh	1224	12AP2_TP	
6	12053800	Phùng Hải Sơn	1224	12AP2_TP	
7	12053900	Lê Đức Thịnh	1224	12AP2_TP	
8	12054000	Huỳnh Anh Thư	1224	12AP2_TP	

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ DANH SÁCH HỌC SINH TẠI PHÒNG KIỂM TRA  
TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: NGỮ VĂN + TOÁN + LỊCH SỬ + NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
9	12054100	Lê Nguyễn Anh Thu	1224	12AP2_TP	
10	12054200	Nguyễn Thị Trúc Thy	1224	12AP1_TP	
11	12054300	Trương Bảo Thy	1224	12AP2_TP	
12	12054400	Trần Phương Vy	1224	12AP1_TP	
13	12054500	Nguyễn Ngọc Tường Vy	1224	12AP2_TP	
14	12054600	Nguyễn Hoàng Duy Ý	1224	12AP2_TP	
15	12054700	Lê Hoàng Yên	1224	12AP1_TP	

Danh sách có 547 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 17 tháng 12 năm 2025

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Đông Anh Đào**